TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-PT
Ngày: 18/02/2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Tính

2. Ông Nguyễn Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2021/QĐPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1979. Có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979. Có mặt;

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1980. Có mặt;

3. Chị Đoàn Thị Lan A, sinh năm 1986. Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Sỹ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm và bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Sỹ T trình bày: Hộ gia đình anh là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 294, tờ bản đồ số 2, diện tích 145m^2 tại khu vực Đồng Kẹm, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (*viết tắt là* thửa đất số 294). Thửa đất chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSDĐ), đất có tứ cận như sau: phía Bắc giáp rãnh nước chảy dài 10m; phía Nam giáp đường đi dài 10m; phía Đông giáp đất bà N dài 14,5m; phía Tây giáp đất ông Vinh dài 14,5m.

Nguồn gốc thửa đất: Căn cứ vào quyết định số 327/QĐ-CT ngày 26/5/2004 của Chủ tịch UBND huyện T về việc thu hồi đất và giao đất ở cho nhân dân tại xã L (*viết tắt là* QĐ 327); Căn cứ vào Biên bản giao mốc giới ngày 10/6/2004 của Phòng GTXD- địa chính huyện T; Căn cứ vào Biên bản giao đất trên thực địa ngày 28/01/2005 của UBND xã L, gia đình anh được nhà nước giao cho lô đất số 7, diện tích 145m^2 ở khu vực Đồng Kẹm, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Cùng thời điểm giao đất cho gia đình anh còn có các hộ gia đình khác trong đó có bà N cũng được giao lô đất số 6 giáp đất của gia đình anh với chiều dài các cạnh và diện tích bằng nhà anh. Khi Nhà nước giao đất thì các lô đất vẫn là ruộng, các gia đình đã đóng mốc cọc tre giữa các thửa đất.

Năm 2008, Nhà nước đã tiến hành đo đạc bản đồ, lô đất của gia đình anh là thửa đất số 294, còn lô đất của bà N là thửa đất số 295, tờ bản đồ số 2, diện tích 145m^2 ở thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (*viết tắt là* thửa đất số 295).

Quá trình sử dụng đất: Sau khi nhận đất năm 2005, gia đình anh vẫn để đất không và sinh sống tại thửa đất khác. Đến năm 2006, bà N có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn S là cháu ruột bà N xây ngôi nhà 02 tầng trên đất của bà N để ở. Khi vợ chồng anh S xây nhà thì gia đình anh không biết, đến khi gia đình ông Nguyễn Sỹ Tấn và ông Nguyễn Đăng Vinh tiến hành đào móng làm nhà, vài ngày sau đến gia đình ông Nguyễn Đăng Vinh cũng tiến hành đào móng làm nhà (là những hộ gia đình được giao đất cùng vị trí với thửa đất của gia đình anh và bà N) thì gia đình anh cũng tiến hành đo đất để làm nhà mới phát hiện diện tích đất gia đình anh bị thiếu cạnh phía Nam giáp đất bà N. Anh có báo chính quyền địa phương, UBND xã L đã đo đạc lại thửa đất của các gia đình. Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 12/6/2013 của UBND xã L thì kết quả đo đạc thể hiện cạnh phía Nam gia đình anh chỉ còn 9m (thiếu 1m so với kích thước khi được giao đất).

Sau đó, anh tiếp tục gửi đơn lên UBND huyện T giải quyết. Tại Công văn số 595/UBND- TNMT ngày 18/8/2014 của UBND huyện T kết luận: Anh Nguyễn Văn S làm nhà trên đất của bà N tại khu vực Đồng Kẹm, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã sai mốc giới xây lấn sang đất của gia đình anh đầu phía Nam thửa đất là 1m. Anh S, bà N đã bỏ lại 1m phần đất của bà N giáp nhà ông Nguyễn Sỹ Hùng.

Sau khi có kết luận của UBND huyện T, anh có sang nói chuyện với bà N, anh S về việc xây lấn sang đất gia đình anh nhưng bà N, anh S cho rằng xây đủ đất nên không trả đất cho anh.

Anh xác định anh S đã làm nhà trên đất của bà N sai mốc giới đã lấn sang đất gia đình anh 1m nên anh đề nghị bà N phải trả cho gia đình anh diện tích đất lấn chiếm là 7,25m^2.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là chủ sử dụng, chủ sở hữu hợp pháp thửa đất số 295 giáp ranh với thửa đất của anh T. Thửa đất này chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất có tứ cận: phía Bắc giáp rãnh nước chảy dài 10m, phía Nam giáp đường đi dài 10m, phía Đông giáp đất ông Hùng dài 14,5m, phía Tây giáp đất ông Tư dài 14,5m.

Nguồn gốc của thửa đất: Căn cứ vào QĐ số 327, Biên bản giao mốc giới ngày 10/6/2004 của Phòng GTXD- địa chính huyện T, ngày 28/01/2005 UBND xã L giao đất trên thực địa cho các hộ dân tại khu vực Đồng Kẹm, thôn H, xã L, bà được nhà nước giao cho lô đất số 06, diện tích 145m^2 ở khu vực Đồng Kẹm giáp ranh với lô đất của gia đình anh T. Khi nhà nước giao đất thì các lô đất trên vẫn là ruộng. Năm 2008, Nhà nước đã tiến hành đo đạc bản đồ thửa đất, lô đất của bà là thửa đất số 295, còn lô đất của gia đình anh T là thửa đất số 294.

Quá trình sử dụng đất: Sau khi nhận đất, năm 2006 bà cho vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Đoàn Thị Lan A là cháu ruột xây nhờ ngôi nhà 02 tầng trên đất để gia đình anh S ở còn bà sống cùng bố mẹ anh S ở thửa đất khác. Do vợ chồng anh S xây nhà đầu tiên nên trước khi xây nhà thì bà có mời trưởng thôn là ông Nguyễn Đăng Đĩnh và kế toán thôn là ông Nguyễn Hoài Nam đến cắm mốc lô đất của bà. Khi vợ chồng anh S xây nhà không có tranh chấp với ai, đến năm 2010 gia đình anh T đo đất làm nhà cuối cùng nên sau khi dồn đất lại thì gia đình anh T thiếu đất nên các bên mới xảy ra tranh chấp.

Sau đó, UBND xã L đã tiến hành đo đạc kiểm tra lại các thửa đất tranh chấp thì bà mới biết do chính quyền thôn đã cắm mốc lô đất của gia đình bà sai nên dẫn đến việc gia đình anh S đã làm nhà, sân, tường sai mốc giới lấn sang đất nhà anh T tại đầu phía Nam của thửa đất gia đình anh T là 1m với diện tích là 7,25m^2.

Bà xác định vợ chồng anh S đã xây nhà, tường, sân đã lấn chiếm sang đất của gia đình anh T là 7,25m^2. Nhưng lỗi là do chính quyền thôn cắm sai mốc giới đất dẫn đến việc vợ chồng anh S đã xây nhà lấn sang đất gia đình anh T, vì bà đang sử dụng đủ diện tích được giao là 145m^2. Bà đề nghị chính quyền thôn phải chịu trách nhiệm về việc này. Bà chấp nhận trả anh T giá trị bằng tiền đối với phần đất vợ chồng anh S đã xây nhà và các công trình lấn chiếm sang đất của anh T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Nguyễn Thị N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh T.

Anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh đồng ý với lời trình bày của bà N và xác định vợ chồng anh đã làm nhà sai mốc giới lấn sang đầu phía Nam thửa đất của gia đình anh T 1m có diện tích là 7,25m^2. Anh xác định đất là của bà N nên việc tranh chấp đất là giữa bà N và anh T. Anh đồng ý đối với yêu cầu của bà N đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng. Đối với phần tài sản mà vợ chồng anh xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm, vợ chồng anh không đề nghị gì.

Chị Đoàn Thị Lan A (vợ anh S) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh S và ủy quyền cho anh S tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi có kết quả xem xét thẩm định ngày 17/12/2020 anh T đã có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể anh T yêu cầu bà N phải trả lại cho gia đình anh T phần đất giáp ranh lấn của gia đình anh T là 7,1m^2 (theo đúng kết quả xem xét thẩm định ngày 09/3/2021).

Với nội dung trên, tại bản án số 09/2021/DS-ST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ Điều 166, 168, 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 166, 174, 175, 176, khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326 của UBTV Quốc hội. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Sỹ T về việc kiện đòi phần diện tích đất giáp ranh với thửa đất của bà Nguyễn Thị N. Xác định vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Đoàn Thị Lan A xây nhà và công trình trên đất của bà Nguyễn Thị N đã lấn chiếm phần đất của gia đình nhà anh Nguyễn Sỹ T diện tích là 7,1m^2.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả trích trả bằng tiền cho anh Nguyễn Sỹ T trị giá phần đất lấn chiếm mà vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Đoàn Thị Lan A đã xây nhà 02 tầng là 2,1m^2 x 12.000.000đồng/m^2 = 25.200.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn S, chị Đoàn Thị Lan A phải tháo dỡ, di dời phần tài sản kiến trúc trên phần sân lấn sang đất nhà anh Nguyễn Sỹ T để trả lại cho anh Nguyễn Sỹ T diện tích đất lấn chiếm 5m^2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn dịch vụ kỹ thuật Tài nguyên môi trường Bắc Ninh đo vẽ ngày 09/3/2021 có vị trí tứ cận: phía Bắc giáp ngôi nhà 02 tầng dài 0,54m, phía Nam giáp đường đi dài 0,97m, phía Đông giáp thửa đất số 294 dài 7,47m, phía Tây giáp phần sân thửa số 295 dài 7,42m.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ điều chỉnh diện tích thực tế sử dụng theo đúng trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn dịch vụ kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Bắc Ninh đo vẽ ngày 09/3/2021tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/7/2021, anh Nguyễn Sỹ T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị bị đơn trả 2,1m^2 đất còn lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên yêu cầu khiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là anh Nguyễn Sỹ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Sỹ T nộp trong hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự HĐXX thấy:

[2.1]. Năm 2005 gia đình anh T được Nhà nước giao cho lô đất số 7, diện tích 145m^2 ở khu vực Đồng Kẹm, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là thửa đất số 294). Cùng thời điểm đó bà N cũng được giao cho lô đất số 6, diện tích 145m^2 ở khu vực Đồng Kẹm, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là thửa đất số 295). Thửa đất của gia đình anh T và bà Nga hiện chưa được cấp giấy CNQSDĐ nhưng các hộ dân đều được Nhà nước giao cho sử dụng hợp pháp. Như vậy, bà Nga và gia đình anh T có đầy đủ quyền hạn của chủ sử dụng đất.

Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thì: Thửa đất số 294 của gia đình anh T có tứ cận: phía Bắc giáp rãnh nước chảy dài 10m, phía Nam giáp đường đi dài 9,03m, phía Đông giáp đất bà N dài 14,5m, phía Tây giáp đất ông Vinh dài 14,5m, diện tích là 137,9m^2. Như vậy, so với kích thước theo Biên bản giao đất trên thực địa ngày 28/01/2005 của UBND xã L năm 2005 thì cạnh phía Nam thiếu 0,97m và diện tích thiếu 7,1m^2.

Thửa đất số 295của gia đình bà Nga có tứ cận: phía Bắc giáp rãnh nước chảy dài 10m, phía Nam giáp đường đi dài 10m, phía Đông giáp đất ông Hùng dài 14,5m, phía Tây giáp đất ông Tư dài 14,5m. Như vậy, phần đất bà N hiện đang quản lý sử dụng so với Biên bản giao đất trên thực địa ngày 28/01/2005 của UBND xã L năm 2005 thì tứ cận và diện tích không thay đổi.

Thửa đất số 296 của gia đình ông Nguyễn Sỹ Hùng có tứ cận: phía Bắc giáp rãnh nước chảy dài 10m, phía Nam giáp đường đi dài 10,97m, phía Đông giáp đất bà N dài 14,5m, phía Tây giáp đất ông Vinh dài 14,5m, diện tích thực tế là 152,1m^2. Như vậy, so với Biên bản giao đất trên thực địa ngày 28/01/2005 của UBND xã L năm 2005 thì cạnh phía Nam thửa đất nhà ông Hùng thừa 0,97m và diện tích thừa 7,1m^2.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì bà N sử dụng đất đủ diện tích, anh T bị thiếu 7,1m^2, còn ông Hùng lại thừa 7,1m^2. Việc này là hoàn toàn phù hợp kết luận của CV số 595 về việc vợ chồng anh S làm nhà trên đất của bà N đã sai mốc giới xây lấn sang đất của gia đình anh T đầu phía Nam thửa đất là 1m. Anh S, bà N đã bỏ lại 1m phần đất cạnh phía Nam của thửa đất bà N giáp thửa đất nhà ông Hùng. Vấn đề này các bên đương sự đều thừa nhận nên chứng cứ này không phải chứng minh.

Bản án sơ thẩm xác định gia đình bà Nga, anh S đã sử dụng sai mốc giới, xây lấn sang phần đất của gia đình anh T và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì phần diện tích 7,1m^2 mà gia đinh bà Nga sử dụng lấn sang đất của gia đình anh T có hiện trạng gồm 02 phần: phần thứ nhất là 2,1m^2 anh T đã xây dựng nhà kiên cố, phần thứ hai là diện tích 5m^2 anh T xây tường bao và lán tạm.

Đối với phần đất có diện tích 2,1m^2: anh S đã xây ngôi nhà kiên cố là phần đất rất nhỏ, nếu buộc gia đình bà Nga phải trả cho anh gia đình anh T diện tích đất này thì sẽ phải buộc anh S phải tháo dỡ công trình trên đất, việc tháo dỡ một phần ngôi nhà trên đất như vậy sẽ làm ảnh hưởng tới kết cấu chung và chất lượng ngôi nhà. Trong khi việc sử dụng đất của gia đình bà Nga lấn sang nhà anh T chỉ là vô ý do nhầm mốc giới, khi anh S xây dựng cũng không có bất kỳ tranh chấp hay khiếu kiện nào. Vì vậy, để đảm bảo giá trị sử dụng của công trình là ngôi nhà trên đất nên bản án sơ thẩm đã tuyên xử cho gia đình bà Nga tiếp tục sử dụng diện tích đất này và buộc bà Nga phải trích trả bằng tiền là phù hợp. Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm thì chỉ buộc bà Nga phải có trách nhiệm trích trả bằng tiền mà không giao cho bà Nga sử dụng 2,1m^2 đất là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà Nga, cần sửa quyết định của bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N và anh S tự nguyện bồi thường cho anh T trị giá 2,1m^2 là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh S và bà N nên cần chấp nhận.

Đối với phần đất có diện tích 5m^2: hgia đình anh S chỉ xây dựng tường bao và lán vẩy đây là những công trình tạm trong khi anh T vẫn yêu cầu phải trả lại đất nên bản án sơ thẩm đã buộc anh vợ chồng anh S và bà Nga phải tháo dỡ các công trình trên phần đất này để trả lại mặt bằng cho anh T là phù hợp.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Sỹ T. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho bà N thì cần phải sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên anh Nguyễn Sỹ T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Sỹ T, sửa nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 166, 174, 175, 176, khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; Điều 166, 168, 170 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH ngày 20/12/6/2016 của UBTVQH quy định về mức thu miễn giảm án phí, lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Sỹ T về việc kiện đòi phần diện tích đất giáp ranh với thửa đất của bà Nguyễn Thị N. Xác định vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Đoàn Thị Lan A xây nhà và công trình trên đất của bà Nguyễn Thị N đã lấn chiếm phần đất của gia đình nhà anh Nguyễn Sỹ T là 7,1m^2.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Nga được sử dụng 2,1m^2 đất mà vợ chồng anh Nguyễn Văn S và chị Đoàn Thị Lan A đã xây nhà 02 tầng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn S, chị Đoàn Thị Lan A trích trả cho anh Nguyễn Sỹ T trị giá phần đất 2,1m^2 là 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng).*

Buộc bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn S, chị Đoàn Thị Lan A phải tháo dỡ, di dời phần tài sản kiến trúc trên phần xây lấn sang đất của anh Nguyễn Sỹ T để trả lại cho anh T diện tích đất lấn chiếm 5m^2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn dịch vụ kỹ thuật Tài nguyên môi trường Bắc Ninh đo vẽ ngày 09/3/2021 có tứ cận: Cạnh phía Bắc giáp ngôi nhà 02 tầng dài 0,54m, cạnh phía Nam giáp đường đi dài 0,97m, cạnh phía Đông giáp thửa đất số 294 dài 7,47m, cạnh phía Tây giáp phần sân thửa số 295 dài 7,42m. (có sơ đồ kèm theo bản án)

Anh Nguyễn Sỹ T và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ điều chỉnh diện tích thực tế sử dụng theo đúng trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn dịch vụ kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Bắc Ninh đo vẽ ngày 09/3/2021 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

3. Án phí và lệ phí tố tụng: Bà N phải chịu 1.260.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Nguyễn Sỹ T 910.000 đồng và 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại biên lai thu số 0000340 ngày 11/11/2020 và biên lai thu số 0002649 ngày 28/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Bà Nguyễn Thị Nga phải chịu 9.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận anh T đã nộp 9.500.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nên buộc bà N phải hoàn trả lại anh T số tiền 9.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai